



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 08

Ngày 01 tháng 02 năm 2016

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

- 31-12-2015- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành trong lĩnh vực văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7. 3

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

- 06-11-2015- Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND v/v thu hồi và hủy bỏ văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành. 14

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-12-2015- Quyết định số 6781/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 16

- 10-12-2015- Quyết định số 6802/QĐ-UBND về phê duyệt đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 43
- 23-12-2015- Quyết định số 6991/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh. 63
- 24-12-2015- Quyết định số 7022/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 69

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- 24-12-2015- Quyết định số 8340/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản Quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện ban hành. 73

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2015/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của  
Đội Kiểm tra Liên ngành trong lĩnh vực văn hóa, thông tin  
và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng năm 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thành lập và tổ chức hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành trong lĩnh vực văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin tại Tờ trình số 126/TTr-VHTT ngày 30 tháng 11 năm 2015 và của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số: 1890/TTr-NV ngày 16 tháng 12 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Kiểm tra Liên ngành trong lĩnh vực văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7 (gọi tắt là Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an quận, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Tài chính và Kế hoạch, Trưởng phòng Y tế, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy quận 7, Đội trưởng Đội Quản lý Trật tự Đô thị, Đội trưởng Đội Quản lý Thị trường 7B, Chi cục trưởng Chi cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Trọng Hiếu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của Đội Kiểm tra liên ngành trong lĩnh vực văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 7 (Gọi tắt là Đội Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND  
ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận 7)*

## **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Vị trí - vai trò**

1. Đội Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội (KTLN VH-XH) quận 7 được thành lập theo quy định của pháp luật để tiến hành kiểm tra, xác lập hành vi vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa; kinh doanh dịch vụ văn hóa; thông tin truyền thông; phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy, đánh bạc, phòng cháy, chữa cháy và các hành vi vi phạm hành chính khác có liên quan trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội.

2. Đội KTLN VH-XH là lực lượng phối hợp liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, hoạt động theo quy định của pháp luật bao gồm các ngành: Văn hóa và Thông tin; Lao động - Thương binh và Xã hội; Công an; Phòng cháy và Chữa cháy; Tư pháp; Kinh tế; Y tế; Tài Nguyên và Môi trường; Chi cục thuế; Quản lý thị trường; Trật tự Đô thị.

### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là thành viên hoặc có quyền và nghĩa vụ liên quan đến Đội KTLN VH-XH trên địa bàn quận 7.

2. Đối tượng kiểm tra là các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực được quy định trong Quyết định thành lập Đội trên địa bàn quận 7.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động**

1. Đội KTLN VH -XH khi làm nhiệm vụ phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

2. Đội KTLN VH-XH có nhiệm vụ kiểm tra các hoạt động văn hóa, thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quận 7 theo nội dung của từng Quyết định thành lập Đội.

3. Đội KTLN VH-XH thực hiện kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất. Trong quá trình kiểm tra, thành viên của Đội phải thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không gây khó khăn cản trở cho hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân bị kiểm tra; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên về các quyết định xử lý của mình.

**Chương II****NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN****Điều 4. Nhiệm vụ**

1. Khảo sát nắm tình hình, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực Văn hóa - Xã hội theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, phải đình chỉ ngay hành vi vi phạm pháp luật, xác lập hồ sơ vi phạm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, kịp thời chuyển vụ hồ sơ vi phạm cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Quyền hạn**

1. Đề nghị cơ quan chức năng, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền liên quan trên địa bàn phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Đội KTLN VH-XH thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong suốt quá trình kiểm tra.

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân thuộc diện kiểm tra chấp hành quyết định kiểm tra, xuất trình, cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan theo đúng nội dung kiểm tra và hợp tác với Đội KTLN VH-XH trong suốt thời gian kiểm tra.

3. Lập Biên bản kiểm tra; Biên bản vi phạm hành chính; Biên bản tạm giữ tang vật phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính; Quyết định tạm giữ tang vật phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính; tổ chức thực hiện các Quyết định khám người theo thủ tục hành chính, Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính, Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, Biên bản khám người theo thủ tục hành chính, Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính, Biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) theo đúng Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan.

4. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm hình sự thì kịp thời xác lập hồ sơ vụ việc vi phạm chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền thụ lý theo đúng quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **CƠ CẤU, HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 6. Cơ cấu của Đội KTLN VH -XH**

1. Đội KTLN VH-XH do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập; Đội trưởng, Phó Đội trưởng và các thành viên trong Đội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng phòng Nội vụ. Thời hạn hoạt động của Đội được quy định trong Quyết định thành lập.

2. Đội KTLN VH-XH quận có 02 Đội, mỗi Đội gồm 01 Đội trưởng, 01 đến 02 Phó Đội trưởng và các thành viên. Đội 1- Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội do phòng Văn hóa và Thông tin phụ trách; Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin làm Đội trưởng. Đội 2- Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội do phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách; Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm Đội trưởng.

Các phòng, đơn vị của quận như: Văn hóa và Thông tin; Lao động - Thương binh và Xã hội; Công an; Phòng cháy và chữa cháy; Y tế; Kinh tế; Tư pháp; Tài nguyên và Môi trường; Đội Quản lý thị trường; Đội Quản lý Trật tự Đô thị; Chi cục Thuế cử ít nhất 02 người tham gia làm thành viên Đội. Tùy theo tình hình, nhu cầu

thực tế của công tác kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định điều chỉnh thành phần, số lượng các ngành, các phòng, đơn vị của quận tham gia Đội.

3. Đội KTLN VH-XH chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

### **Điều 7. Hoạt động của Đội KTLN VH -XH**

1. Đội KTLN VH-XH hoạt động theo cơ chế phối hợp.

Đội trưởng Đội KTLN VH-XH điều hành chung mọi hoạt động của Đội, có quyền tổ chức thực hiện kiểm tra, xác lập hồ sơ vi phạm đối với cá nhân, tổ chức theo đúng nội dung Quyết định thành lập Đội tại khoản 2, điều 3, chương I và chương II của Quy chế này. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp trong quá trình kiểm tra, xác lập hồ sơ vi phạm theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền bổ nhiệm được quy định tại điều 6 của Quy chế này.

Đội trưởng thông báo lịch công tác cho các thành viên trước từ 3 - 5 giờ đồng hồ hoặc đột xuất (khi cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Lãnh đạo) và nhận xét về kết quả công tác của từng thành viên tham gia theo Quyết định thành lập Đội hoặc khi có yêu cầu của các đơn vị có liên quan.

Phó Đội trưởng có trách nhiệm giúp Đội trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng.

Các thành viên trong Đội chấp hành sự phân công của Đội trưởng (hoặc Phó Đội trưởng được Đội trưởng ủy quyền), chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đội trưởng (hoặc Phó Đội trưởng) về những công việc đã được phân công theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực mình đang công tác, đồng thời đề xuất nội dung, biện pháp kiểm tra trong lĩnh vực đơn vị phụ trách.

2. Đội KTLN VH - XH do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, điều hành, kiểm tra hoạt động của Đội và thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho thành viên trong Đội.

3. Quy định khi tiến hành kiểm tra.

Đội KTLN VH-XH chỉ được tiến hành kiểm tra khi đoàn kiểm tra có Đội trưởng hoặc Phó Đội trưởng và ít nhất thành viên của 04 phòng, ban, đơn vị trong đó phải có



Phòng Văn hóa và Thông tin, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an quận.

Khi tiến hành kiểm tra, Đội KTLN VH-XH phải xuất trình Quyết định thành lập Đội cho đối tượng kiểm tra biết để chấp hành trong suốt thời gian kiểm tra tại cơ sở.

## **Chương IV**

### **MỐI QUAN HỆ VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 8. Mối quan hệ công tác và cơ chế phối hợp hoạt động**

Đội KTLN VH-XH xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của quận, Kế hoạch tổ chức kiểm tra liên ngành (định kỳ, đột xuất) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thông qua; đồng thời báo cáo nhanh các vụ việc lớn, phức tạp và kết quả xử lý trên địa bàn hoặc báo cáo theo yêu cầu đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Có trách nhiệm hỗ trợ Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội Thành phố khi có yêu cầu kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của Đội KTLN VH-XH có trách nhiệm phối hợp với ban ngành, đoàn thể, chính quyền cùng cấp, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác kiểm tra, phòng ngừa, phát hiện, xác lập các vi phạm pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra có hiệu quả.

#### **Điều 9. Kinh phí hoạt động**

Kinh phí hoạt động của Đội KTLN VH-XH do ngân sách quận cấp và từ các khoản thu nộp phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực Văn hóa - Xã hội. Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chăm công, thực hiện thủ tục kinh phí bồi dưỡng cho mỗi Đội KTLN VH-XH, dự trù phương tiện phục vụ trong quá trình kiểm tra theo đúng quy định.

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tham mưu, đề xuất UBND quận bố trí ngân sách, quản lý kinh phí và duyệt chi công tác phí, bồi dưỡng, phương tiện phục vụ, mua tin (khảo sát) trong suốt quá trình kiểm tra nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của Đội KTLN VH -XH trên địa bàn quận.

## **Điều 10. Phụ cấp, phương tiện hoạt động**

### **1. Chế độ phụ cấp**

Đội KTLN VH-XH được hưởng tiền làm thêm giờ, làm đêm; được bồi dưỡng ăn đêm nếu làm việc trong thời gian từ 20 giờ đến 04 giờ sáng hôm sau theo quy định hiện hành và theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

### **2. Phương tiện hoạt động**

Đội KTLN VH-XH được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cần thiết để thực hiện chức trách của mình; có trách nhiệm trong việc sử dụng và bảo quản tốt phương tiện được cấp như: Giấy chứng nhận cho các thành viên Đội kiểm tra, công cụ hỗ trợ, máy quay phim, máy chụp hình, máy đo âm thanh, máy đo ánh sáng, dụng cụ đo nồng độ rượu, hồ trợ hao mòn xe và văn phòng phẩm phục vụ cho công tác kiểm tra.

Tùy theo tình hình thực tế, Đội KTLN VH-XH được bố trí phương tiện xe ô tô theo đề nghị của Đội trưởng (hoặc Phó Đội trưởng) để phục vụ cho công tác kiểm tra, bảo đảm an toàn thành viên cho cả Đội.

## **Chương V**

## **KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

### **Điều 11. Chế độ khen thưởng**

Khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân có thành tích theo thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Đội KTLN VH - XH trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng thì được hưởng chế độ trợ cấp, đền bù theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Kỷ luật**

Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu thành viên của Đội KTLN VH-XH có hành vi vi phạm hoặc lạm dụng quyền hạn, vi phạm pháp luật thì Đội trưởng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thành viên đó biết và

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận kiểm tra xem xét, tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Việc xử lý hành vi vi phạm thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan**

##### **1. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận**

Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thành lập, bảo đảm về nhân sự và chế độ, chính sách, kinh phí hoạt động của mỗi Đội KTLN VH-XH thực hiện đúng quy định của Quy chế này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm trước Thành phố, quận nếu để phát sinh tệ nạn xã hội, hoạt động kinh doanh Văn hóa - Xã hội trái pháp luật diễn ra tại địa phương mà không kịp thời có kế hoạch, chỉ đạo giải quyết. Đây là nội dung quan trọng trong việc xét đánh giá thi đua hoàn thành nhiệm vụ hàng năm trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, an ninh trật tự địa phương.

##### **2. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội.**

Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan thường trực về hoạt động của Đội 1-Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội; chịu trách nhiệm về kiểm tra hoạt động Văn hóa, Thông tin; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực về hoạt động của Đội 2 - Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội, chịu trách nhiệm về kiểm tra hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội có trách nhiệm:

Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận điều hành hoạt động của Đội KTLN VH-XH. Chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất; tổng hợp và dự thảo báo cáo, xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Đội KTLN VH-XH trình Ủy ban nhân dân quận.

Chủ động phối hợp với các Phòng ban, đơn vị liên quan đề xuất nhân sự của Đội KTLN VH-XH và đảm bảo bố trí lực lượng theo quy định tại Quy chế.

Phối hợp với Phòng Tài chính và Kế hoạch quận dự trù kinh phí hoạt động của Đội KTLN VH-XH hàng năm và quyết toán kinh phí theo quy định.

Khi cần thiết, có quyền tham mưu khen thưởng đột xuất cho Đội KTLN VH-XH và những cá nhân có liên quan trong các hoạt động cao điểm.

Phòng Văn hóa và Thông tin tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, xử lý hồ sơ do Đội 1- Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội xác lập; hồ sơ do Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường xác lập về kiểm tra hoạt động Văn hóa, Thông tin mà vượt thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, xử lý hồ sơ do Đội 2- Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội xác lập; hồ sơ do Tổ Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội phường xác lập về kiểm tra hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội mà vượt thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

### **3. Trách nhiệm của Trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan**

Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị được quy định tại khoản 2, điều 6 của Quy chế này có trách nhiệm cử cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực tham gia mỗi Đội KTLN VH-XH và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ tham gia Đội KTLN VH-XH hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị quản lý có biện pháp tổ chức, phối hợp thực hiện nghiêm túc nội dung Quy chế này.

2. Giao Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết.

3. Việc bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Quy chế này do Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng

---

phòng Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi có tham khảo ý kiến của các phòng, ban chức năng.

4. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường căn cứ vào Quy chế này và điều kiện thực tế tại địa phương để ban hành Quy chế hoạt động và thành lập Tổ KTLN VH-XH phường kiểm tra, ngăn ngừa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn phường quản lý./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2015/QĐ-UBND

*Quận 9, ngày 06 tháng 11 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****V/v thu hồi và hủy bỏ văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về rà soát, hệ thống hóa văn bản Quy phạm pháp luật và Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản Quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn TP.HCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp Quận tại Tờ trình số: 182/TTr-TP ngày 23 tháng 10 năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay thu hồi hủy bỏ 02 văn bản quy phạm pháp luật gồm:

- Quyết định số 02/2015/QĐUBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành quy trình tiếp giải quyết khiếu nại trên địa bàn Quận 9;
- Quyết định số 03/2015/QĐUBND ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành quy trình giải quyết tố cáo trên địa bàn Quận 9.

Lý do: Chưa phù hợp với các quy định pháp luật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Trưởng các phòng ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đặng Thị Hồng Liên**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6781/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Kế hoạch xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9881/TNMT-CCBVMT ngày 08 tháng 12 năm 2015,



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ đạo, Tổ Chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Về xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6781/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12  
năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

Trong thời gian qua, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện nhiều giải pháp chỉ đạo, định hướng phát triển kinh tế thành phố gắn với công tác bảo vệ môi trường như điều chỉnh, nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành gắn với chiến lược, chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường; triển khai nhiều công trình, dự án thoát nước, xử lý chất thải,... trong đó Chương trình đầu tiên có tác động lớn đến các doanh nghiệp gây nhiễm môi trường là Chương trình di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường (1.402 cơ sở) vào khu công nghiệp và vùng phụ cận giai đoạn 2002 – 2006 theo Nghị quyết số 22/2002/NQ-HĐ ngày 29 tháng 6 năm 2002 của Hội đồng nhân dân thành phố và Quyết định số 80/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Chương trình đã đạt được kết quả nhất định, cụ thể đã di dời 50% đơn vị, 36,8% đơn vị ngưng sản xuất, 10% đơn vị chuyển đổi ngành nghề, 2,8% đơn vị khác phục tại chỗ, 04% gia hạn, lùi thời gian di dời. Chính việc quyết liệt tập trung triển khai các chương trình trên, tình hình môi trường thành phố được cải thiện rõ rệt về chất lượng nguồn nước mặt; ô nhiễm không khí do sản xuất giảm đáng kể; các khiếu kiện, khiếu nại của người dân đối với ô nhiễm môi trường do sản xuất công nghiệp cũng đã giảm rất nhiều.

Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã và đang xuất hiện một số khu vực nóng về ô nhiễm môi trường do tốc độ đô thị hóa, cơ sở sản xuất chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ môi trường, việc xử lý chất thải chưa được đầu tư thỏa đáng, đặc biệt là cơ sở sản xuất cũ có công nghệ thiết bị lạc hậu nằm xen cài trong khu dân cư, gây tác động xấu về môi trường đến cộng đồng dân cư, làm khó khăn trong công tác kiểm soát ô nhiễm đồng thời ảnh hưởng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Do vậy, việc xây dựng “Kế hoạch xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” là vấn đề rất cần thiết và quan trọng nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố.

## **II. MỤC ĐÍCH:**

- Xây dựng môi trường sống xanh, sạch; hướng đến mục tiêu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình. Di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường xen cài trong khu dân cư, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố vào các khu công nghiệp/cụm công nghiệp đã đầu tư hạ tầng hoàn chỉnh. Đến năm 2020, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư.

- Khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện cho cơ sở sản xuất, kinh doanh đổi mới công nghệ, thiết bị, thay đổi ngành nghề, nâng cao chất lượng sản xuất và phát triển ổn định.

## **III. YÊU CẦU:**

- Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo thường xuyên, liên tục việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Thường trực Ban chỉ đạo di dời chịu trách nhiệm phân công các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân các quận/huyện nghiêm túc thực hiện nội dung kế hoạch. Thực hiện nghiêm chế độ kiểm tra, rà soát định kỳ hàng quý.

- Ban Quản lý các Khu chế xuất – công nghiệp chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất hạ tầng khu công nghiệp bố trí cho các đối tượng di dời, đảm bảo xử lý ô nhiễm sau khi di dời.

## **IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **4.1. Cơ sở pháp lý:**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

- Luật xử phạt vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Bộ Luật hình sự số 15/1999/QH10 và Luật số 37/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự. Bộ Luật hình sự năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- Nghị định số 19/2015/NĐ ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020 về thực hiện 7 chương trình đột phá, trong đó có Chương trình giảm ô nhiễm môi trường;
- Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số hỗ trợ về tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị;
- Thông tư số 81/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số quy định của Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị;
- Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 05 năm 2011 và Quyết định 38/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 09 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định những hỗ trợ dành cho các dự án đầu tư thuộc Chương trình kích cầu;
- Quyết định số 06/QĐ-QBVMТ ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường quy định một số hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở không phù hợp quy hoạch;
- Quyết định số 5540/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố;
- Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố;
- Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xử lý cơ sở gây ô

nhiễm môi trường và cơ sở không phù hợp quy hoạch và có nguy cơ cháy, nổ xen cài trong khu dân cư trên địa bàn thành phố.

#### **4.2. Lộ trình thực hiện:**

##### **4.2.1. Giai đoạn I (2015 - 2016):**

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình, phương án xử lý đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Xác định đối tượng cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nghiêm trọng.

- Hướng dẫn lập danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và hình thức xử lý.

- Trình ban hành danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

##### **4.2.2. Giai đoạn II (2016 - 2017):**

- Trên cơ sở danh mục được ban hành, thực hiện các hình thức xử lý đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận/huyện, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định di dời, phê duyệt các chính sách tài chính, hỗ trợ, ưu đãi đối với các cơ sở di dời.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ di dời, vận động, tuyên truyền các cơ sở di dời chấp hành đúng chủ trương chung của thành phố.

##### **4.2.3. Sau năm 2017:**

Tiếp tục cập nhật và thực hiện xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, buộc di dời.

#### **4.3. Xác định đối tượng và hình thức xử lý:**

##### **4.3.1 Đối tượng:**

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường và cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bị xử lý theo Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

##### **4.3.2. Xác định đối tượng:**

Căn cứ các tiêu chí quy định tại điều 4,5,6,7,8,9 Thông tư 04/2012/TT-BTNMT ngày 08 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

##### **4.3.3. Hình thức xử lý:**

###### **4.3.3.1. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường:**

- Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, yêu cầu cơ sở đầu tư cải tạo các công trình xử lý môi trường đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Trong trường hợp cơ sở tái phạm thì áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường từ 03 - 12 tháng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

#### **4.3.3.2. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng:**

Bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đồng thời bị áp dụng một trong các hình thức sau:

a. Cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

b. Buộc di dời cơ sở đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường.

- Cơ sở bị áp dụng hình thức buộc di dời là cơ sở có ngành nghề, phạm vi gây ô nhiễm rộng, nguy cơ tác động môi trường cao, khó khắc phục ô nhiễm (nhuộm, xeo giấy, sản xuất và kinh doanh hóa chất, in, tráng bao bì kim loại, thuộc da, xi mạ điện, sản xuất xi măng, giết mổ gia súc - gia cầm, kho tàng có chất dễ cháy, dễ gây nổ, có chất phóng xạ mạnh/bức xạ mạnh, có chất độc hại đối với sức khỏe con người và gia súc gia cầm, phát tán mùi ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người; Về vị trí: gần khu dân cư, bệnh viện, trường học..., không phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của thành phố, quận, huyện.

c. Cấm hoạt động.

- Cơ sở đã bị đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường mà trong thời hạn từ 03 năm kể từ ngày có quyết định đã khắc phục xong hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra, nhưng tiếp tục tái phạm (gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng).

Việc lập danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải nêu rõ hình thức xử lý, biện pháp giảm thiểu và thời gian thực hiện. Trong thời gian thực hiện biện pháp xử lý, cơ sở phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm phù hợp.

**4.3.3.3. Đối với tội phạm gây ô nhiễm môi trường** theo quy định của Bộ Luật hình sự, được xử lý theo trình tự Bộ Luật hình sự và Bộ Luật tố tụng hình sự.

#### **4.4. Quy trình thực hiện:**

##### **4.4.1. Rà soát, phát hiện cơ sở gây ô nhiễm môi trường:**

**Bước 1:** Các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra, xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo tiêu chí tại Mục 4.3, áp dụng các biện pháp xử lý tại Mục 4.3.3. Thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra.

**Bước 2:** Sau 05 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra, cơ quan thanh tra, kiểm tra lập danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm

môi trường nghiêm trọng(gọi chung là danh mục) theo Phụ lục 1, Phụ lục 2.1, 2.2, tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra hồ sơ có liên quan gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Bước 3:** Sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được danh mục và kết quả thanh tra, kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối với cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý các Bộ ngành có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường tham khảo ý kiến trước khi đưa vào danh mục.

**Bước 4:** Sau 20 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo danh mục và các hồ sơ liên quan đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Bước 5:** Sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố, dựa trên kết quả thanh tra, trung cầu giám định, Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc phê duyệt danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo ủy quyền.

#### 4.4.2. Trình tự thẩm định và ban hành quyết định di dời:

**Bước 1:** Sau khi danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố giao Thường trực Ban chỉ đạo chủ trì, triển khai thông báo đến Ủy ban nhân dân quận, huyện khảo sát thông tin doanh nghiệp buộc di dời.

**Bước 2:** Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức khảo sát thông tin của doanh nghiệp di dời (theo Phụ lục 3, Phụ lục 4) thu thập thông tin phục vụ công tác di dời, hướng dẫn doanh nghiệp lập phương án di dời.

Việc tổ chức, khảo sát, tổng hợp hồ sơ di dời của doanh nghiệp gửi Thường trực Ban chỉ đạo trong vòng 30 ngày.

**Bước 3:** Kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân quận, huyện, trong vòng 15 ngày Thường trực Ban chỉ đạo gửi hồ sơ cho các thành viên Ban chỉ đạo xem xét, góp ý trước khi họp thẩm định phương án di dời.

**Bước 4:** Thường trực Ban chỉ đạo tổ chức họp thẩm định, giao các Sở, ngành có liên quan theo chức năng nhiệm vụ, xem xét, thẩm định phương án di dời, phương án tài chính, chính sách ưu đãi, hỗ trợ di dời;

Trường hợp cần thiết bổ sung cơ sở pháp lý có liên quan, các Sở ngành làm việc trực tiếp với Ủy ban nhân dân quận/huyện và doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ thẩm định di dời.

**Bước 5:** Kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến thẩm định các Sở ngành, thường trực Ban chỉ đạo tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quyết định di dời và quyết định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ di dời đối với từng cơ sở, thời gian thực hiện trong vòng 20 ngày.

#### **4.4.3. Công tác kiểm tra, giám sát tiến độ di dời:**

**Bước 1:** Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Công an thành phố, Ủy ban nhân dân các quận/huyện nơi có cơ sở di dời và các cơ quan có liên quan tổ chức giám sát việc thực hiện di dời.

**Bước 2:** Ủy ban nhân dân quận/huyện nơi có cơ sở thực hiện di dời tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp gửi thường trực Ban chỉ đạo, định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ di dời cho thường trực Ban chỉ đạo tổng hợp, báo cáo.

**Bước 3:** Thường trực Ban chỉ đạo định kỳ tổng hợp, báo cáo tiến độ di dời, tổng hợp kiến nghị của doanh nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tháo gỡ, giải quyết những khó khăn vướng mắc.

#### **4.4.4. Tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế:**

**Bước 1:** Ủy ban nhân dân quận/huyện rà soát, cơ sở chưa hoàn thành đúng tiến độ di dời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Bước 2:** Trong 15 ngày cơ sở chưa hoàn thành việc di dời, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định cưỡng chế, buộc di dời.

**Bước 3:** Ủy ban nhân dân thành phố gửi quyết định cưỡng chế buộc di dời đối với cơ sở không thực hiện di dời theo đúng tiến độ trong vòng 05 ngày trước khi thực hiện cưỡng chế.

**Bước 4:** Trong vòng 15 ngày, Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động và biện pháp cưỡng chế buộc di dời.

**Bước 5:** Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Công an thành phố, Ủy ban nhân dân quận/huyện nơi có cơ sở di dời và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ hoạt động, cưỡng chế buộc di dời.

- Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi có cơ sở bị đình chỉ hoạt động, cưỡng chế buộc di dời có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp thực hiện;

- Lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình cưỡng chế, ngăn chặn kịp thời các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ trong quá trình thực hiện cưỡng chế.



## **V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:**

### **5.1. Sở Tài nguyên và Môi trường - Thường trực Ban chỉ đạo:**

- Là cơ quan chịu trách nhiệm chính về triển khai di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố;

- Tổng hợp, theo dõi việc thực hiện di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố; chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận/huyện thu thập thông tin và trình Ủy ban nhân dân thành phố danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời;

- Tổng hợp phương án xử lý, kế hoạch, lộ trình triển khai di dời đối với các cơ sở, phương án xử lý đối với đất, tài sản gắn liền với đất tại vị trí cũ của từng đối tượng phải di dời do Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các quận/huyện cung cấp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan kiểm tra, thẩm định các phương án di dời trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt, ban hành quyết định di dời, quyết định chính sách ưu đãi và chính sách hỗ trợ di dời đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời;

- Xây dựng đơn giá tiền sử dụng đất, đơn giá thuê đất theo quy định khi chủ đầu tư thực hiện dự án tại địa điểm di dời và nơi di chuyển đến; phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu đề xuất chính sách tài chính về đất đai phục vụ công tác di dời; hướng dẫn các trình tự thủ tục kê khai hiện trạng sử dụng đất theo quy định;

- Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước phải di dời thuê tư vấn xác định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giá đất tính thu tiền sử dụng đất hoặc giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê tại vị trí cũ theo giá thị trường tại thời điểm thẩm định giá, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

### **5.2. Công an Thành phố - Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường:**

- Kiểm tra, phát hiện xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, lập danh mục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp. Riêng đối với trường hợp tội phạm gây ô nhiễm môi trường, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường có trách nhiệm xử lý các cơ sở này theo trình tự Bộ Luật hình sự.

- Phối hợp với các sở, ngành và có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

### **5.3. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp:**

- Chủ trì rà soát, thống kê, tổng hợp số liệu quỹ đất, diện tích đất còn trống, những thông tin liên quan tại các khu công nghiệp và thực hiện công bố, cung cấp đầy đủ thông tin cho các đối tượng di dời;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các thủ tục đến việc tiếp nhận di dời của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào khu công nghiệp;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị hạ tầng khu công nghiệp chuẩn bị đầy đủ quỹ đất và hạ tầng bố trí cho các đối tượng di dời; thực hiện hoặc kêu gọi đầu tư dịch vụ xử lý môi trường, đảm bảo xử lý ô nhiễm sau khi di dời.

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

### **5.4. Ủy ban nhân dân quận, huyện:**

- Khảo sát, thu thập thông tin các cơ sở di dời.

- Triển khai vận động, hướng dẫn, theo dõi và báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo về quá trình di dời của các đối tượng di dời trên địa bàn quản lý; thực hiện công tác giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng di dời trong thời gian chưa tiến hành di dời; đôn đốc, nhắc nhở, có biện pháp hành chính yêu cầu các cơ sở trong danh sách di dời đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt thực hiện di dời theo đúng kế hoạch đề ra;

- Phối hợp với sở, ban, ngành liên quan rà soát, thống kê, tổng hợp số liệu quỹ đất, diện tích đất còn trống, thông tin liên quan tại các cụm công nghiệp đã có đơn vị kinh doanh cơ sở hạ tầng và thực hiện công bố, cung cấp đầy đủ thông tin cho các đối tượng di dời;

- Ủy ban nhân dân quận/huyện có trách nhiệm đăng tải thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đang hoạt động trên địa bàn phải thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm trên trang điện tử (hoặc niêm yết tại trụ sở) cho đến khi được chứng nhận đã hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tăng cường công tác quản lý các cơ sở mới gây ô nhiễm và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện công tác di dời trên địa bàn về Ban Chỉ đạo di dời để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tuyên truyền, vận động cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải di dời chấp hành chủ trương của Thành phố.

### **5.5. Sở Tài chính:**

- Thực hiện theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở

gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị và Thông tư số 81/2001/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài Chính ban hành kèm theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010:

+ Xác định các khoản chi phí liên quan đến việc bán nhà đất, chuyển mục đích sử dụng theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước phải di dời; đồng thời, thực hiện chi trả các khoản chi phí cho các đối tượng liên quan đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước phải di dời, kể cả chi phí hỗ trợ di dời các hộ dân đang ở vị trí cũ (nếu có) theo phương án đã được Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt;

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân hành phố phê duyệt các hỗ trợ liên quan chương trình;

+ Có văn bản đề nghị chủ tài khoản chuyển tiền chi trả các khoản chi phí cho các đối tượng liên quan đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có vốn nhà nước phải di dời thuộc Trung ương quản lý;

Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

#### **5.6. Sở Công Thương:**

- Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc xây dựng kế hoạch phát triển, thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được phê duyệt; điều chỉnh quy hoạch, bổ sung kế hoạch phát triển các cụm công nghiệp đã có đầu tư hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh về ngành nghề tiếp nhận, khả năng tiếp nhận và thời gian tiếp nhận các cơ sở buộc phải di dời nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở có nơi hoạt động sản xuất ổn định, lâu dài, đúng pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị hạ tầng cụm công nghiệp chuẩn bị quỹ đất, hạ tầng dự kiến bố trí cho các đối tượng di dời; thực hiện hoặc kêu gọi đầu tư dịch vụ xử lý môi trường; hướng dẫn các thủ tục liên quan đến việc tiếp nhận di dời của các cơ sở gây ô nhiễm vào cụm công nghiệp đã có đầu tư hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

#### **5.7. Sở Kế hoạch và đầu tư:**

- Phối hợp với các sở, ngành thẩm định hồ sơ di dời.

- Hướng dẫn các cơ sở tham gia vào Chương trình kích cầu của Thành phố.

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

#### **5.8. Sở Xây dựng:**

- Hướng dẫn các đối tượng di dời trong việc lập thủ tục pháp lý về đầu tư xây

dựng cơ sở mới, về hoàn công công trình, giải quyết nhanh các vướng mắc thủ tục pháp lý khi thực hiện xử lý nhà xưởng cũ và xây dựng cơ sở mới;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

#### **5.9. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:**

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc và tham mưu Ban chỉ đạo về chức năng sử dụng đất các khu đất sau khi di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện về quy hoạch các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý;

- Thẩm định quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, nghiên cứu lựa chọn hình thức di dời và lập phương án di dời;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất cơ chế, chính sách báo cáo Ban chỉ đạo di dời về kế hoạch, thời hạn di dời;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

#### **5.10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

- Hướng dẫn các cơ sở di dời trong việc thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người lao động;

- Có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

#### **5.11. Sở Y tế:**

Phối hợp với các sở, ban, ngành và có ý kiến chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng nhiệm vụ.

#### **5.12. Sở Nội vụ:**

Cải cách hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực, lĩnh vực môi trường tạo lực lượng mạnh để triển khai hiệu quả Kế hoạch.

#### **5.13. Thanh tra Thành phố:**

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

#### **5.14. Cơ sở di dời:**

- Chủ động lập kế hoạch, khắc phục, đề xuất phương án di dời;

- Chấp hành quyết định di dời, phối hợp với cơ quan chức năng trong công tác triển khai di dời.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ có liên quan được quy định tại phần IV, V và các phụ lục đính kèm Kế hoạch này; khẩn trương dự trù kinh phí thực hiện các chương trình cụ thể đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thông qua.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận/huyện, chủ cơ sở có trách nhiệm phối hợp với các Sở ngành triển khai thực hiện đầy đủ và đạt hiệu quả và mục tiêu của kế hoạch đề ra.

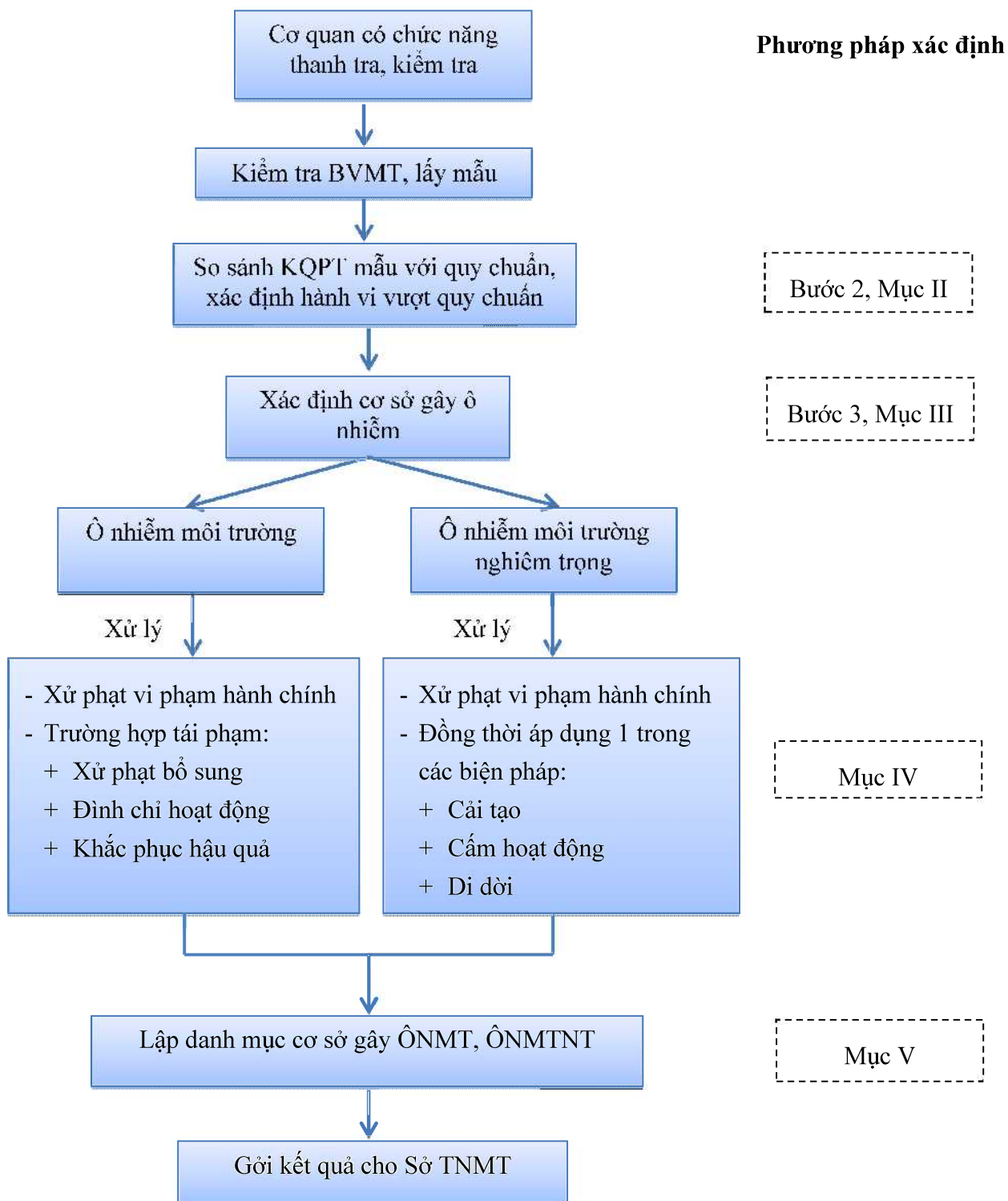
3. Giao Thường trực Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm làm đầu mối điều phối hoạt động chung của kế hoạch, theo dõi tiến độ, phát hiện khó khăn, vướng mắc, tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời xem xét, giải quyết; tổng hợp báo cáo kết quả hàng năm, báo cáo tổng kết giai đoạn trình Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tất Thành Cang**

## Phụ lục 1

### Quy trình xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng









**Phụ lục 3**

Mẫu phiếu khảo sát thông tin doanh nghiệp thực hiện di dời

ỦY BAN NHÂN DÂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BAN CHỈ ĐẠO XỬ LÝ CƠ SỞ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, KHÔNG PHÙ HỢP  
QUY HOẠCH VÀ CÓ NGUY CƠ CHÁY, NỔ****XEN CÀI TRONG KHU DÂN CƯ****PHIẾU KHẢO SÁT THÔNG TIN CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM  
MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG PHẢI THỰC HIỆN DI DỜI****I. Phần Doanh nghiệp:****1. Thông tin doanh nghiệp:**

1.1. Tên doanh nghiệp (Tên Công ty ghi đầy đủ bằng tiếng Việt)/cơ sở sản xuất:

.....

1.2. Loại hình DN:.....Phần trăm vốn nhà nước:.....

1.3. Người đại diện theo pháp luật/Chủ doanh nghiệp (nếu là DNTN, hộ kinh doanh):

- Họ và tên: .....

- Số điện thoại liên hệ:.....

- Địa chỉ thường trú: .....

- Chỗ ở hiện nay: .....

- Thư điện tử: .....

1.4. Địa chỉ trụ sở/xưởng sản xuất: .....

- Số điện thoại:.....Số fax:.....

1.5. Cơ quan chủ quản (nếu có): .....

- Địa chỉ: .....

- Số điện thoại: .....

1.6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số ..... Ngày  
.....tháng.....năm.....của.....

1.7. Ngành nghề hoạt động: .....

1.8. Vốn điều lệ/Vốn đầu tư: ..... đồng.

1.10. Máy móc, thiết bị: (Đính kèm phụ lục kê khai máy móc thiết bị).

## 1.11. Công nghệ sản xuất:

.....

.....

.....

.....

**2. Cơ cấu, tổ chức biên chế tại vị trí cũ:**

2.1. Số lượng các phòng, ban chức năng:.....

2.2. Số lao động:.....

Trong đó:

+ Số lao động trong biên chế:.....

+ Số lao động hợp đồng:.....

+ Tổng số lao động đóng BHXH:.....

+ Độ tuổi lao động:.....

**3. Hiện trạng sử dụng đất:**

1.8. Đất sản xuất (tổng diện tích đất, diện tích đất sản xuất, hồ sơ pháp lý liên quan như hợp đồng thuê, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, sổ tờ, sổ thửa, thông tin quy hoạch): .....

.....

.....

1.9. Nhà xưởng (diện tích, hồ sơ pháp lý liên quan):.....

Chỉ tiêu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Sử dụng từ năm
Sử dụng làm trụ sở làm việc		
Sử dụng làm công trình sự nghiệp		
Sử dụng làm cơ sở SX-KD-DV		
Cho mượn		
Cho thuê		
Đã bố trí làm nhà ở, đất ở		
Đang bị lấn chiếm		
Sử dụng vào mục đích khác		
Chưa sử dụng		

**4. Hiện trạng sử dụng nhà, tài sản gắn liền với đất:**

T T	NGÔI NHÀ	SỐ TẦNG	DT XD (m <sup>2</sup> )	TỔNG DT SÀN XD (m <sup>2</sup> )	CHIA RA (m <sup>2</sup> )						
					TSLV	Công trình SN	SX, KD, DV	Cho thuê	Nhà ở	Sử dụng khác	Chưa sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ngôi										
...											
Cộng											

**5. Hình thức quản lý, sử dụng đất:**

- Diện tích đất được giao không thu tiền sử dụng đất: .....m<sup>2</sup>;
- Diện tích đất được giao có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc ngân sách nhà nước:  
.....m<sup>2</sup>;
- Diện tích đất được Nhà nước cho thuê:.....m<sup>2</sup>;
- Diện tích đất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng và tiền đã trả có nguồn gốc ngân sách nhà nước: .....m<sup>2</sup>;
- Diện tích đất quản lý, sử dụng theo hình thức khác:.....m<sup>2</sup>.

**6. Hình thức quản lý, sử dụng nhà, tài sản gắn liền với đất:**

- Diện tích nhà được Nhà nước giao:.....m<sup>2</sup>;
- Diện tích nhà do đơn vị đầu tư, xây dựng bằng nguồn vốn có nguồn gốc NSNN:.....m<sup>2</sup>;
- Diện tích nhà được tạo lập bằng hình thức khác:.....m<sup>2</sup>.

**7. Hồ sơ, giấy tờ về nhà, đất:**

- Được giao, được bố trí, được cấp theo văn bản số:... ngày.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:..... ngày.....
- Hợp đồng thuê đất số:..... ngày.....
- Các hồ sơ, giấy tờ khác có liên quan

**8. Nghĩa vụ tài chính đối với khuôn viên đất đã thực hiện:**

**9. Nguyên giá nhà, tài sản gắn liền với đất theo sổ sách kế toán:**

+ Ngôi 1: ..... đồng;

+ Ngôi 2: ..... đồng;

.....  
**10. Đề xuất phương án xử lý:**

a) Tiếp tục sử dụng:

- Đất: .....

- Tài sản gắn liền với đất: .....

b) Bán, chuyển nhượng:

- Đất: .....

- Tài sản gắn liền với đất: .....

c) Chuyển mục đích sử dụng đất:

- Đất: .....

- Tài sản gắn liền với đất: .....

d) Diện tích nhà, đất đang bố trí làm nhà ở đề nghị được di chuyển đi nơi khác:

- Đất: .....

- Tài sản gắn liền với đất: .....

đ) Đề nghị Nhà nước thu hồi:

- Đất: .....

- Tài sản gắn liền với đất: .....

e) Các đề nghị khác (nếu có): .....

**11. Tình hình quản lý môi trường:**

11.1. Nước thải:

- Lưu lượng nước thải: ..... (m<sup>3</sup>/ngày đêm)

- Nguồn tiếp nhận: .....

- Hệ thống xử lý nước thải: không  có  công suất(m<sup>3</sup>/ngày đêm): .....

- Chất lượng nước thải: đạt quy chuẩn  không đạt quy chuẩn

(cung cấp kết quả đo đạc gần nhất)

11.2. Khí thải:

- Nguồn phát sinh: .....

- Số lượng nguồn thải: .....

- Nhiên liệu đốt: .....

- Hệ thống xử lý khí thải: có  không

- Chất lượng khí thải: đạt quy chuẩn  không đạt quy chuẩn

(cung cấp kết quả đo đạc gần nhất)

11.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Phân loại: có  không

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển với đơn vị có chức năng:

+ Chất thải rắn thông thường: có  không

+ Chất thải nguy hại: có  không

11.4. Tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh : .....

- Biện pháp xử lý tiếng ồn: có  không

11.5. Vấn đề môi trường khác:

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

## 12. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

12.1. Doanh thu:

- Năm 2013: ..... đồng.

- Năm 2014: ..... đồng.

- Năm 2015 (ước đạt): ..... đồng.

12.2. Nguyên liệu đầu vào: .....

12.3. Hình thức sản xuất

- Tự sản xuất:

- Gia công: cho DN nội địa  cho DN nước ngoài

12.4. Sản phẩm đầu ra: .....

12.5. Công suất: .....

12.6. Thị trường tiêu thụ: .....

**II. Phương án di dời:****1. Địa điểm di dời:**

1.1 Doanh nghiệp sẽ di dời vào khu công nghiệp/cụm công nghiệp: .....

.....

1.2 Diện tích dự kiến sử dụng:

- Đất (thuê đất tự xây dựng): .....m<sup>2</sup>.

- Nhà xưởng (thuê nhà xưởng có sẵn) : .....m<sup>2</sup>.

1.3 Thời gian dự kiến di dời, lộ trình thực hiện: .....

.....

.....

**2. Vốn đầu tư thực hiện di dời:**

2.1. Quy mô công suất dự kiến: .....

2.2. Vốn dự kiến đầu tư: .....đồng.

2.3. Vốn đã có của DN: .....đồng.

2.4. Vốn dự kiến vay: .....đồng.

**3. Các chính sách Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ khi di dời:**

3.1 Về Tài chính, vốn đầu tư:

- Quỹ hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.2 Về đổi mới công nghệ sản xuất:

- Quỹ đổi mới công nghệ

3.3 Về đất đai, nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật tại nơi di dời đến:

- Giá thuê đất

- Xây dựng sẵn các nhà xưởng cho thuê

- Hệ thống xử lý nước thải , khí thải

- Hỗ trợ của chủ đầu tư hạ tầng

3.4 Về các biện pháp bảo vệ môi trường, đầu tư hệ thống xử lý nước thải và khí thải:

- Dự án đầu tư thuộc chương trình kích cầu của thành phố (Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 28/5/2011 và Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 23/9/2013)

- Quỹ bảo vệ môi trường

3.5 Về các chính sách hỗ trợ khác:

.....  
.....

**III. Ý kiến của Doanh nghiệp**

**1. Những thuận lợi:** .....

.....  
.....  
.....

**2. Những khó khăn, vướng mắc:**.....

.....  
.....  
.....

**3. Kiến nghị:**.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**IV. Ý kiến của địa phương:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm

**Chủ doanh nghiệp**

(ký tên, ghi rõ họ tên)

**Đoàn khảo sát**

**PHỤ LỤC**  
**KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ**

(Của Doanh nghiệp:.....)

<b>STT</b>	<b>TÊN MÁY MÓC THIẾT BỊ</b>	<b>QUỐC GIA SẢN XUẤT, NĂM XUẤT XƯƠNG</b>	<b>GIÁ TRỊ DỰ KIẾN</b>
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			



**Phụ lục 4****Mẫu phương án di dời đối với doanh nghiệp thực hiện di dời**

- I. Giới thiệu sơ lược về Công ty:
- II. Hiện trạng đất đai:
- III. Hiện trạng tài sản gắn liền với đất:
- IV. Cơ cấu tổ chức nhân sự:
- V. Phương án xử lý tại vị trí cũ:
  1. Hình thức xử lý đất:
  2. Hình thức xử lý tài sản gắn liền với đất:
  3. Hình thức xử lý đối với máy móc, thiết bị sản xuất:
  4. Thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh:
  5. Số lượng lao động ngừng, nghỉ việc:
- VI. Phương án di dời đến vị trí mới:
  1. Địa điểm và quy mô dự án:
  2. Tiến độ thực hiện dự án:
  3. Phương án tài chính để thực hiện di dời:
- VII. Kết luận và Kiến nghị:



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6802/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt  
năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;

Căn cứ Công văn số 2272/BXD-VP ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng về công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9060/LS/TC-TNMT ngày 26 tháng 11 năm 2015 về phê duyệt đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt và ban hành đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như chi tiết kèm theo Quyết định này. Đơn giá phê duyệt năm 2013 được thanh toán trong dự toán kinh phí dịch vụ vệ sinh môi trường hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2.** Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố chịu trách nhiệm căn cứ vào hướng dẫn của các cơ quan chức năng, tình hình thực tế để áp dụng cho từng địa bàn theo đúng quy định.

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước Thành phố hướng dẫn việc triển khai thực hiện và kiểm tra thanh quyết toán các khối lượng hoàn thành theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**PHỤ LỤC**  
**ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TRÊN**  
**ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NĂM 2013**  
*(Kèm theo Quyết định số 6802/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**1. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 2:**

Số TT	Giai đoạn				Về BCL Phước Hiệp
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	8.985,58
				Đêm	9.723,86
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	9.053,48
				Đêm	9.791,76
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	8.966,17
				Đêm	9.704,45
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	8.946,77
				Đêm	9.685,05
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	8.927,37
				Đêm	9.665,65
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	8.927,37
				Đêm	9.665,65
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	8.966,17
				Đêm	9.704,45
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	9.037,96
				Đêm	9.776,24
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	9.129,15
				Đêm	9.867,43
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	9.129,15
				Đêm	9.867,43
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	9.129,15
				Đêm	9.867,43
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	9.129,15
				Đêm	9.867,43
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	9.255,27
				Đêm	9.993,55

**2. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 3:**

Số TT	Giai đoạn				Về BCL Đa Phước
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	36.144,00
				Đêm	39.324,12
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	36.388,09
				Đêm	39.568,22
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	36.074,25
				Đêm	39.254,38
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	36.004,51
				Đêm	39.184,64
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	35.934,77
				Đêm	39.114,90
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	35.934,77
				Đêm	39.114,90
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	36.074,25
				Đêm	39.254,38
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	36.332,30
				Đêm	39.512,43
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	36.660,09
				Đêm	39.840,22
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	36.660,09
				Đêm	39.840,22
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	36.660,09
				Đêm	39.840,22
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	36.660,09
				Đêm	39.840,22
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	37.113,41
				Đêm	40.293,54

**3. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 5:**

Số TT	Giai đoạn				BCL Đa Phước
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	16.772,01
				Đêm	18.019,14
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	16.902,04
				Đêm	18.149,16
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	16.734,86
				Đêm	17.981,99
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	16.697,71
				Đêm	17.944,84
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	16.660,57
				Đêm	17.907,69
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	-
				Đêm	-
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	-
				Đêm	-
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	-
				Đêm	-
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	-
				Đêm	-
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	-
				Đêm	-
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	-
				Đêm	-

**4. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 6:**

Số TT	Giai đoạn				BCL Đa Phước
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	7.732,75
				Đêm	8.359,07
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	7.793,29
				Đêm	8.419,61
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	7.715,46
				Đêm	8.341,77
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	7.698,16
				Đêm	8.324,47
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	7.680,86
				Đêm	8.307,18
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	-
				Đêm	-
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	-
				Đêm	-
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	-
				Đêm	-
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	-
				Đêm	-
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	-
				Đêm	-
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	-
				Đêm	-



**5. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 7:**

Số TT	Giai đoạn				VỀ BCL Đa Phước
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	7.688,07
				Đêm	8.279,43
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	7.750,76
				Đêm	8.342,11
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	7.670,16
				Đêm	8.261,52
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	7.652,25
				Đêm	8.243,61
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	7.634,34
				Đêm	8.225,70
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	-
				Đêm	-
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	-
				Đêm	-
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	-
				Đêm	-
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	-
				Đêm	-
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	-
				Đêm	-
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	-
				Đêm	-

**6. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 8:**

Số TT	Giai đoạn				Về BCL Đa Phước	
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%	
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	17.513,12	
				Đêm	18.838,56	
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	17.648,24	
				Đêm	18.973,69	
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	17.474,51	
				Đêm	18.799,95	
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	17.435,90	
				Đêm	18.761,35	
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	17.397,30	
				Đêm	18.722,74	
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	-	
				Đêm	-	
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	-	
				Đêm	-	
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	-	
				Đêm	-	
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	-	
				Đêm	-	
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	-	
				Đêm	-	
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	-	
				Đêm	-	
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	-	
				Đêm	-	
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	-	
				Đêm	-	

**7. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 9:**

Số TT	Giai đoạn				BCL Phước Hiệp
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	4.105,62
				Đêm	4.421,42
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	4.139,09
				Đêm	4.454,89
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	4.096,05
				Đêm	4.411,85
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	4.086,49
				Đêm	4.402,29
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	4.076,92
				Đêm	4.392,72
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	4.076,92
				Đêm	4.392,72
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	4.096,05
				Đêm	4.411,85
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	4.131,44
				Đêm	4.447,24
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	4.176,39
				Đêm	4.492,19
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	4.176,39
				Đêm	4.492,19
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	4.176,39
				Đêm	4.492,19
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	4.176,39
				Đêm	4.492,19
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	4.238,56
				Đêm	4.554,36

**8. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 11:**

Số TT	Giai đoạn				Về TTC Tổng Văn Trân Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
	1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày
				Đêm	87.097,04
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	79.809,16
				Đêm	87.528,38
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	79.254,58
				Đêm	86.973,80
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	79.131,34
				Đêm	86.850,56
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	79.008,10
				Đêm	86.727,32
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	-
				Đêm	-
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	-
				Đêm	-
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	-
				Đêm	-
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	-
				Đêm	-
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	-
				Đêm	-
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	-
				Đêm	-

**9. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn Quận 12:**

Số TT	Giai đoạn				Về BCL Phước Hiệp
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	5.202,82
				Đêm	5.608,11
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	5.244,35
				Đêm	5.649,64
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	5.190,96
				Đêm	5.596,24
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	5.179,09
				Đêm	5.584,38
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	5.167,23
				Đêm	5.572,51
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	5.167,23
				Đêm	5.572,51
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	5.190,96
				Đêm	5.596,24
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	5.234,86
				Đêm	5.640,15
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	5.290,62
				Đêm	5.695,91
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	5.290,62
				Đêm	5.695,91
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	5.290,62
				Đêm	5.695,91
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	5.290,62
				Đêm	5.695,91
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	5.367,75
				Đêm	5.773,04

**10. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn quận Bình Thạnh:**

Số TT	Giai đoạn				VỀ BCL Phước Hiệp
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	11.810,90
				Đêm	12.766,56
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	11.894,98
				Đêm	12.850,65
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	11.786,87
				Đêm	12.742,54
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	11.762,85
				Đêm	12.718,51
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	11.738,82
				Đêm	12.694,49
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	11.738,82
				Đêm	12.694,49
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	11.786,87
				Đêm	12.742,54
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	11.875,76
				Đêm	12.831,43
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	11.988,68
				Đêm	12.944,35
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	11.988,68
				Đêm	12.944,35
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	11.988,68
				Đêm	12.944,35
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	11.988,68
				Đêm	12.944,35
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	12.144,84
				Đêm	13.100,51

**11. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn quận Phú Nhuận:**

Số TT	Giai đoạn				Phước Hiệp	Đa Phước	Vietstar
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%		
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	6.740,03	9.402,60	-
				Đêm	7.039,26	9.834,21	-
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	6.802,41	9.488,78	-
				Đêm	7.101,64	9.920,39	-
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	6.722,21	9.377,97	-
				Đêm	7.021,44	9.809,59	-
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	6.704,39	9.353,35	-
				Đêm	7.003,62	9.784,97	-
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	6.686,57	9.328,73	-
				Đêm	6.985,80	9.760,34	-
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	7.691,73	-	11.070,88
				Đêm	8.033,55	-	11.576,32
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	7.732,81	-	11.129,55
				Đêm	8.074,64	-	11.634,99
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	7.361,16	-	10.462,21
				Đêm	7.684,30	-	10.935,27
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	6.852,78	-	9.551,64
				Đêm	7.151,22	-	9.981,89
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	6.707,16	-	9.299,26
				Đêm	6.999,60	-	9.719,11
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	6.871,92	-	9.584,81
				Đêm	7.171,15	-	10.016,42
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	7.076,05	-	9.938,62
				Đêm	7.383,70	-	10.384,82
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	8.173,64	-	11.800,22
				Đêm	8.520,92	-	12.315,13

**12. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn huyện Hóc Môn:**

Số TT	Giai đoạn				VỀ BCL Phước Hiệp
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	6.274,76
				Đêm	6.767,37
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	6.324,96
				Đêm	6.817,57
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	6.260,41
				Đêm	6.753,03
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	6.246,07
				Đêm	6.738,69
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	6.231,73
				Đêm	6.724,34
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	6.231,73
				Đêm	6.724,34
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	6.260,41
				Đêm	6.753,03
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	6.313,48
				Đêm	6.806,10
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	6.380,90
				Đêm	6.873,51
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	6.380,90
				Đêm	6.873,51
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	6.380,90
				Đêm	6.873,51
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	6.380,90
				Đêm	6.873,51
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	6.474,13
				Đêm	6.966,74



**13. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn quận Thủ Đức:**

Số TT	Giai đoạn				VỀ BCL phước Hiệp
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	4.787,79
				Đêm	5.159,52
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	4.826,48
				Đêm	5.198,22
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	4.776,73
				Đêm	5.148,47
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	4.765,68
				Đêm	5.137,41
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	4.754,62
				Đêm	5.126,36
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	4.754,62
				Đêm	5.126,36
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	4.776,73
				Đêm	5.148,47
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	4.817,64
				Đêm	5.189,38
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	4.869,60
				Đêm	5.241,34
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	4.869,60
				Đêm	5.241,34
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	4.869,60
				Đêm	5.241,34
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	4.869,60
				Đêm	5.241,34
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	4.941,46
				Đêm	5.313,20

**14. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn huyện Nhà Bè:**

Số TT	Giai đoạn				Về BCL Đa Phước
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	7.529,15
				Đêm	8.118,66
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	7.588,22
				Đêm	8.177,74
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	7.512,27
				Đêm	8.101,78
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	7.495,39
				Đêm	8.084,90
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	7.478,51
				Đêm	8.068,02
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	7.478,51
				Đêm	8.068,02
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	7.512,27
				Đêm	8.101,78
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	7.574,72
				Đêm	8.164,24
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	7.654,06
				Đêm	8.243,57
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	7.654,06
				Đêm	8.243,57
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	7.654,06
				Đêm	8.243,57
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	7.654,06
				Đêm	8.243,57
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	7.763,77
				Đêm	8.353,29

**15. Đơn giá thu gom, vận chuyển trên địa bàn quận Gò Vấp:**

Số TT	Giai đoạn				VỀ BCL Phước Hiệp
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	11.681,95
				Đêm	12.601,49
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	11.768,71
				Đêm	12.688,25
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	9.710,38
				Đêm	12.576,70
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	11.632,38
				Đêm	12.551,92
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	11.607,59
				Đêm	12.527,13
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	-
				Đêm	-
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	-
				Đêm	-
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	-
				Đêm	-
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	-
				Đêm	-
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	-
				Đêm	-
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	-
				Đêm	-
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	-
				Đêm	-

**16. Đơn giá thu gom, vận chuyển của Xí nghiệp vận chuyển số 1:**

Số TT	Giai đoạn				Phước Hiệp	Đa Phước	VietStar
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%		
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	7.880,86	8.708,85	7.924,70
				Đêm	8.571,66	9.486,39	8.632,30
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	7.937,45	8.770,52	7.981,01
				Đêm	8.628,25	9.548,06	8.688,62
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	7.898,39	8.894,65	8.304,74
				Đêm	8.592,48	9.692,00	9.050,92
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	7.882,17	8.876,71	8.288,03
				Đêm	8.576,26	9.674,06	9.034,22
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	7.868,78	8.875,84	8.304,56
				Đêm	8.563,14	9.674,86	9.053,99
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	8.071,13	8.999,44	8.554,92
				Đêm	8.768,05	9.791,53	9.308,74
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	8.104,88	9.036,54	8.590,22
				Đêm	8.801,80	9.828,63	9.344,04
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	8.032,27	8.952,22	8.517,73
				Đêm	8.723,55	9.737,92	9.265,80
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	7.929,10	8.832,71	8.414,48
				Đêm	8.612,93	9.609,98	9.154,95
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	7.885,17	8.782,95	8.369,66
				Đêm	8.567,19	9.558,17	9.108,28
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	7.934,87	8.839,25	8.420,37
				Đêm	8.618,94	9.616,78	9.161,09
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	7.996,45	8.909,00	8.483,21
				Đêm	8.683,06	9.689,41	9.226,51
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	8.396,99	9.358,99	8.894,71
				Đêm	9.095,55	10.152,94	9.650,21

**17. Đơn giá thu gom, vận chuyển của Xí nghiệp vận chuyển số 2:**

Số TT	Giai đoạn				Phước Hiệp	Đa Phước	Vietstar
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%		
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	7.368,39	9.827,91	7.752,69
				Đêm	7.922,57	10.622,04	8.365,69
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	7.425,68	9.901,90	7.811,75
				Đêm	7.979,86	10.696,03	8.424,75
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	7.352,02	9.806,77	7.735,82
				Đêm	7.906,21	10.600,90	8.348,82
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	7.335,65	9.785,63	7.718,95
				Đêm	7.889,84	10.579,76	8.331,95
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	7.335,11	9.788,73	7.718,53
				Đêm	7.890,85	10.585,23	8.333,14
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	7.791,55	10.487,70	8.026,27
				Đêm	8.333,11	11.262,50	8.606,00
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	7.828,19	10.535,96	8.063,50
				Đêm	8.369,76	11.310,76	8.643,23
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	7.422,97	9.900,89	7.650,54
				Đêm	7.944,80	10.645,47	8.210,17
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	6.869,91	9.035,49	7.086,94
				Đêm	7.365,63	9.740,10	7.619,98
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	6.716,05	8.799,88	6.930,21
				Đêm	7.205,43	9.494,77	7.456,79
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	6.890,13	9.066,46	7.107,54
				Đêm	7.386,69	9.772,34	7.641,43
12	12/11/13	→	18/12/13	Ngày	7.105,82	9.396,77	7.327,25
				Đêm	7.611,27	10.116,27	7.870,20
13	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	8.243,57	11.113,56	8.485,88
				Đêm	8.790,91	11.897,20	9.071,49

**18. Đơn giá thu gom, vận chuyển của Hợp tác xã vận tải công nông:**

Số TT	Giai đoạn				Phước Hiệp	Đa Phước
					Đơn giá đã trừ tiết kiệm 9%	
1	01/01/13	→	28/03/13	Ngày	6.981,06	11.184,27
				Đêm	7.495,36	11.998,15
2	29/03/13	→	09/04/13	Ngày	7.037,12	11.273,94
				Đêm	7.551,42	12.087,83
3	10/04/13	→	18/04/13	Ngày	6.965,04	11.158,64
				Đêm	7.479,34	11.972,53
4	19/04/13	→	26/04/13	Ngày	6.949,02	11.133,02
				Đêm	7.463,32	11.946,91
5	27/04/13	→	31/05/13	Ngày	6.933,00	11.107,40
				Đêm	7.447,30	11.921,28
6	01/06/13	→	14/06/13	Ngày	-	16.177,21
				Đêm	-	17.304,13
7	15/06/13	→	28/06/13	Ngày	-	16.252,45
				Đêm	-	17.379,36
8	29/06/13	→	17/07/13	Ngày	-	15.395,19
				Đêm	-	16.480,52
9	18/07/13	→	22/08/13	Ngày	-	14.225,50
				Đêm	-	15.255,85
10	23/08/13	→	07/10/13	Ngày	-	13.901,38
				Đêm	-	14.918,37
11	08/10/13	→	11/11/13	Ngày	-	14.268,10
				Đêm	-	15.300,21
12	12/11/13	→	8/12/13	Ngày	-	14.722,49
				Đêm	-	15.773,32
13	9/12/13	→	18/12/13	Ngày	7.718,21	17.112,90
				Đêm	8.249,00	18.251,97
14	19/12/13	→	31/12/13	Ngày	7.462,76	17.112,90
				Đêm	7.978,50	18.251,97

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6991/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý  
của Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 6746/STP-KSTT ngày 17 tháng 12 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giao Sở Ngoại vụ dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CỦA SỞ NGOẠI VỤ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6991/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NGOẠI VỤ**

<b>STT</b>	<b>TÊN TTHC</b>	<b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b>	<b>CƠ QUAN THỰC HIỆN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>I. LĨNH VỰC LÃNH SỰ</b>				
1	Thủ tục chứng nhận lãnh sự	- Điều 3, Điều 4, Điều 6, Điều 11 Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ - Điều 1, Điều 6, Điều 9 Thông tư 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Sở Ngoại vụ	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
2	Thủ tục chứng nhận giấy tờ, tài liệu được xuất trình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 12 Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ</li> <li>- Điều 5 Khoản 3 Điều 11 Thông tư 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ Ngoại giao</li> </ul>	Sở Ngoại vụ	
3	Thủ tục Hợp pháp hóa lãnh sự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 14 Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ</li> <li>- Khoản 1 Điều 10, Điều 9 Thông tư 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao</li> </ul>	Sở Ngoại vụ	
4	Thủ tục cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 6, Điều 7 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/08/2007 của Chính phủ</li> <li>- Điều 14 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/08/2007 của Chính phủ</li> <li>- Quyết định số 01/2008/QĐ-LS ngày 25/6/2008 của Cục trưởng Cục Lãnh sự</li> <li>- Khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định 65/2012/NĐ-CP ngày 06/09/2012 của Chính phủ</li> <li>- Điều 2, Điều 3 Thông tư 02/2013/TT-BNG ngày 25/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao</li> <li>- Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ</li> </ul>	Sở Ngoại vụ	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
5	Thủ tục cấp công hàm xin thị thực các nước	Điều 2, 13, 14, 18, 19 Thông tư số 02/2013/TT-BNG ngày 25/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Sở Ngoại vụ	
6	Thủ tục cấp, đổi thẻ mới và gia hạn thẻ tạm trú, thị thực và chứng minh thư đối với thành viên cơ quan đại diện nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 36 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam</li> <li>- Điều 13 Nghị định 73/NĐ-CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ</li> <li>- Điều 13, Điều 16 Nghị định 21/2001/NĐ-CP ngày 28/05/2001 của Chính phủ</li> <li>- Mục III, Mục IV, Khoản 2 Mục V, Mục VII TTLT 04/2002/TTLT/BCA-BNG của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao.</li> <li>- Quyết định số 2771/2007/QĐ-BNG-LT ngày 07/11/2007 của Bộ Ngoại giao.</li> <li>- Quyết định số 2830/QĐ-BNG ngày 12/11/2007 của Bộ Ngoại giao.</li> </ul>	Sở Ngoại vụ	
7	Thủ tục cấp và quản lý sổ định mức hàng miễn thuế	Mục II, Khoản 2 Mục V Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BCT-BTC-BNG ngày 15/10/2007 của Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao	Sở Ngoại vụ	

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
8	Thủ tục xét duyệt hàng ngoài định lượng (trừ ấn phẩm và văn hóa phẩm )	Mục II Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BCT-BTC-BNG ngày 15/10/2007 của Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao	Sở Ngoại vụ	
<b>II. LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN</b>				
9	Thủ tục hỗ trợ hoạt động văn hóa của các cơ quan đại diện ngoại giao	Điều 6, Điều 8 Thông tư liên tịch số 34/2011/TTLT-BTTTT-BNG ngày 24/11/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao	Sở Ngoại vụ	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7022/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2015*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản  
quy phạm pháp luật năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6826/TTr-STP ngày 18 tháng 12 năm 2015;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở-ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Công tác kiểm tra, rà soát văn bản**

#### **quy phạm pháp luật năm 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7022/QĐ-UBND*

*ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố năm 2016 và Chương trình công tác ngành Tư pháp năm 2016;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 với những nội dung sau:

### **I. NỘI DUNG CÔNG TÁC**

#### **1. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật**

a) Tổ chức tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, nhằm kịp thời phát hiện và chủ động sửa đổi, bổ sung khắc phục những sai sót, hạn chế trong các văn bản quy phạm pháp luật.

- Đơn vị thực hiện: Sở-ngành Thành phố; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

- Thời gian thực hiện: cả năm.

b) Kiểm tra theo thẩm quyền đối với 100% văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành gửi đến Sở Tư pháp để kiểm tra; văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn gửi đến Phòng Tư pháp quận, huyện để kiểm tra; kiên quyết xử lý hoặc kiến nghị xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật, chú trọng những văn bản trong lĩnh vực nhà ở, đất đai, doanh nghiệp.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: cả năm

c) Tổ chức kiểm tra tại một số Sở-ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện về thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời kết hợp đôn đốc thực hiện Chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2016.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Quý 2/2016.

## **2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

a) Công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ năm 2016 theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

- Thời gian thực hiện: trước ngày 30 tháng 01 năm 2016.

b) Chủ động rà soát văn bản để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới để thi hành các luật, bộ luật mới được thông qua tại Kỳ họp thứ 9, 10 Quốc hội Khóa 13.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở-ngành Thành phố.

- Đơn vị phối hợp: Ủy ban nhân dân quận, huyện.

- Thời gian thực hiện: Cả năm.

## **3. Triển khai thực hiện Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật**

a) Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

- Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

b) Thực hiện việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật tới các Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở-ngành trên địa bàn Thành phố.

- Sở Thông tin Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp, Sở, ngành Thành phố thực hiện.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2016.

## **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Giám đốc Sở Tư pháp:**

a) Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016.

Thời gian thực hiện: Trước ngày 15 tháng 01 năm 2016.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Sở-ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016;

### **2. Giám đốc các Sở-ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:**

a) Ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 của quận, huyện, Sở, Ngành.

Thời gian thực hiện: trước ngày 20 tháng 01 năm 2016.

b) Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này tại quận, huyện, Sở-ngành và phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo hướng dẫn và yêu cầu của Sở Tư pháp.

3. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra và rà soát văn bản áp dụng mức chi theo quy định của Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**



**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8340/QĐ-UBND

Hóc Môn, ngày 24 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc bãi bỏ văn bản Quy phạm pháp luật  
do Ủy ban nhân dân huyện ban hành****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 816/TTr-TP ngày 21 tháng 12 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ 01 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ban hành (*danh mục đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Tuấn Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC  
VĂN BẢN BỊ BÃI BỎ**

*(Kèm theo Quyết định số 8340/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)*

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản</b>	<b>Ngày có hiệu lực</b>	<b>Lý do bãi bỏ</b>
1	Chỉ thị	02/2008/CT-UBND Ngày 12/3/2008	Về nâng cao hiệu quả công tác tổ chức họp tổ nhân dân, tổ dân phố tại các xã – thị trấn	19/3/2008	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng